

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 4031/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 và Giấy phép số 89/GP-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 657/TTr-STNMT ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 4031/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 và Giấy phép số 89/GP-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh, khai thác, sử dụng nước mặt Hồ Sông Mực phục vụ cho sản xuất của Nhà máy đường Nông Cống, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống; địa chỉ: Xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Trạm bơm khai thác nước mặt Hồ Sông Mực phục vụ cho sản xuất của Nhà máy đường Nông Cống; tại xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ cho sản xuất của Nhà máy đường Nông Cống;

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $G = 3.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước mặt dùng sản xuất, chế biến nông sản);

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác nước:

* Theo Giấy phép số 4031/QĐ-UBND ngày 20/12/2007:

$$W_1 = 4.850 (\text{m}^3/\text{ngày, đêm}) \times 110 (\text{ngày}) \times 365/365 \text{ ngày} = 533.500 (\text{m}^3);$$

(Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 19/12/2017 (ngày hết hiệu lực của giấy phép số 4031/QĐ-UBND) là 110 ngày);

* Theo Giấy phép số 89/QĐ-UBND ngày 14/3/2018:

$$W_2 = 2.700 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 3.734 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 10.081.800 \text{ m}^3;$$

(Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 20/12/2017 đến hết ngày 13/3/2028 (ngày hết hiệu lực của giấy phép số 89/GP-UBND) là 3.734 ngày);

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $M = 1,5 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

* Theo Giấy phép số 4031/QĐ-UBND ngày 20/12/2007:

$$T_1 = W_1 \times G \times K \times M = 533.500 \text{ m}^3 \times 3.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 38.412.000 \text{ đồng};$$

* Theo Giấy phép số 89/QĐ-UBND ngày 14/3/2018:

$$T_2 = W_2 \times G \times K \times M = 10.081.800 \text{ m}^3 \times 3.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 725.889.600 \text{ đồng};$$

Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp:

$$T = T_1 + T_2 = 764.301.600 \text{ đồng};$$

Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tư triệu ba trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng.

9. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm, được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 253.612.800 đồng;

- Số tiền nộp hàng năm tiếp theo (2021 - 2027): 70.956.000 đồng;

- Số tiền nộp năm cuối (2028) (tính đến hết 13/3/2028): 13.996.800 đồng;

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hằng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15 tháng 12*) ; đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước năm đầu tiên (2020), chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hằng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi ;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật ;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thì Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Nông Công; UBND xã Thăng Long, huyện Nông Công thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch UBND xã Thăng Long, huyện Nông Cống; Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Trung tâm hành chính công tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-199

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi